

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2022

BẢNG KẾT QUẢ HỌC TẬP LẦN 1 HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2020 - 2021

Ngành/Nghề: **Báo chí**
Trình độ: **Cao đẳng**

Lớp: **20CĐBC1**
Hình thức: **Chính quy**

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên		Ngày sinh	Chính trị	Anh văn - 2	Pháp luật và đạo đức báo chí	Pháp luật	Giáo dục thể chất	Công tác biên tập	Kỹ thuật sản xuất chương trình phát thanh	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Câu chuyện truyền thanh	Lịch sử báo chí	Phóng sự phát thanh	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Tin phát thanh	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
			Số tín chỉ			5	3	2	2	0	2	4	0	2	2	2	2	2					
			Thứ tự môn học/mô-đun			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)					
1	2010010001	20CĐBC1	Phạm Thị Vân	Anh	15/9/2002	B 8.2	C 5.8	A 8.7	B 7.6			B 7.4	B 7.3	B 8.3		F 2.9		A 8.6	2.77 7.28	22	2	Khá	BT
2	2010010002	20CĐBC1	Võ Văn	Bậm	12/6/1995		A 9.1	A 8.7				A 8.9		B 8.3		A 8.7		A 8.7	3.87 8.78	15		Xuất sắc	BT
3	2010010003	20CĐBC1	Bùi Thị	Bích	28/4/2002	B 7.1	C 6.4	B 7.7	B 7.0				B 7.7						2.75 7.01	12		Khá	BT
4	2010010004	20CĐBC1	Lộc Văn	Chung	04/3/2002	C 6.6	C 6.7	A 8.9	B 7.0			A 9.0	C 6.7	B 8.3		B 7.8		B 8.1	2.91 7.70	22		Khá	BT
5	2010010005	20CĐBC1	Nguyễn Thị Thu	Diễm	30/9/1999	F 0.0													0.00 0.00	5	5	kém	TH
6	2010010006	20CĐBC1	Lưu Thị	Duyên	25/11/2001	C 6.8	B 8.3	B 8.3	C 6.4			B 8.3	C 6.9	B 8.1		B 7.5		B 8.4	2.68 7.70	22		Khá	BT
7	2010010007	20CĐBC1	Trần Thanh	Hằng	31/3/2002	B 7.7	C 6.4	B 8.1	C 6.6				C 6.4						2.58 7.26	12		Khá	BT
8	2010010008	20CĐBC1	Văn Ngọc	Hồng	06/9/2002	B 7.7	C 6.4	B 8.3	C 6.2			B 7.4	C 6.4	B 8.1		F 2.5		B 7.9	2.50 6.97	22	2	Khá	BT
9	2010010009	20CĐBC1	Nguyễn Thị Xuân	Hương	08/9/2000														0.00 0.00	0		kém	TH

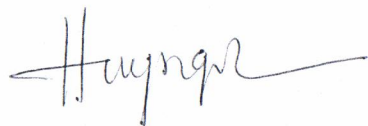
TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Ngày sinh	Chính trị	Anh văn - 2	Pháp luật và đạo đức báo chí	Pháp luật	Giáo dục thể chất	Công tác biên tập	Kỹ thuật sản xuất chương trình phát thanh	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Câu chuyện truyền thanh	Lịch sử báo chí	Phòng sự phát thanh	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Tin phát thanh	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
10	2010010010	20CĐBC1	Nguyễn Châu Thanh	Huyền	20/12/1997	C 6.4	D 5.0	A 8.7	B 7.0		C 6.8	B 7.2	D 5.1		F 2.9		B 7.6	1.95 6.22	22	2	Yếu	BT
11	2010010011	20CĐBC1	Nguyễn Thúy	Huỳnh	22/6/2002	C 6.8	D 4.4	B 7.9	C 6.6		B 7.4	C 6.8	B 7.8		B 7.5		B 7.8	2.41 6.91	22		Trung bình	BT
12	2010010012	20CĐBC1	Võ Thị Cẩm	Huỳnh	25/02/2001	D 4.7	D 5.0	B 8.2	B 7.6	F 0.0		C 6.6	D 4.9		F 0.0			1.38 4.99	16	2	Yếu	BT
13	2010010013	20CĐBC1	Đình Minh	Khang	08/3/2000													0.00 0.00	0		kém	TH
14	2010010014	20CĐBC1	Huỳnh Lê Đăng	Khoa	11/7/1986													0.00 0.00	0		kém	TH
15	2010010015	20CĐBC1	Hà Nguyễn Nhật	Linh	02/01/2001	C 6.2	A 8.5	B 8.3	B 7.2		B 7.3	C 6.9	B 7.8		B 7.6		B 7.5	2.91 7.39	22		Khá	BT
16	2010010016	20CĐBC1	Hoàng Nguyễn Phương	Linh	05/8/1997	A 9.2	A 8.7	A 8.9	B 8.0		A 9.0		B 8.1		B 7.8		A 8.5	3.73 8.67	22		Xuất sắc	BT
17	2010010017	20CĐBC1	Huỳnh Ngọc	Mai	20/01/1998	F 2.4	F 0.4	F 0.0	F 0.0		F 0.0	B 7.0	F 0.0		F 0.0		F 0.0	0.00 0.60	22	22	kém	TH
18	2010010018	20CĐBC1	Đoàn Thị Yên	My	06/02/2002	B 7.1	C 5.9	B 8.2	C 6.8			B 7.4						2.58 6.93	12		Khá	BT
19	2010010019	20CĐBC1	Đoàn Dạ	Mỹ	22/6/1998	C 6.6	B 8.2	B 8.0	C 6.8			C 6.3						2.42 7.27	12		Trung bình	BT
20	2010010020	20CĐBC1	Lê Thị Tuyết	Ngân	27/12/2001													0.00 0.00	0		kém	TH
21	2010010021	20CĐBC1	Vy Thị Hạnh	Ngân	11/01/2000	B 8.2		B 8.4	B 7.6		A 8.9		B 8.3		B 7.7		B 8.2	3.21 8.26	19		Giỏi	BT
22	2010010022	20CĐBC1	Lê Thị Tuyết	Nhi	11/10/2000	B 7.3	F 2.1	B 7.8			C 6.3	C 6.9	B 7.7		D 4.4		C 5.9	2.05 5.98	20	3	Trung bình	BT
23	2010010023	20CĐBC1	Lương Thị Hạnh	Nhi	10/7/2002													0.00 0.00	0		kém	TH
24	2010010024	20CĐBC1	Lý Khả	Nhi	07/3/2002	B 7.2	C 5.7	B 7.9	C 6.8			B 7.0						2.58 6.88	12		Khá	BT
25	2010010025	20CĐBC1	Nguyễn Trần Hồng	Phúc	01/4/2001	C 6.9	B 7.0	B 7.9	C 6.6		C 6.3	C 6.5	D 5.3		C 6.0		B 7.1	2.23 6.66	22		Trung bình	BT

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên		Ngày sinh	Chính trị		Anh văn - 2	Pháp luật và đạo đức báo chí	Pháp luật	Giáo dục thể chất	Công tác biên tập	Kỹ thuật sản xuất chương trình phát thanh	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Câu chuyện truyền thanh	Lịch sử báo chí	Phóng sự phát thanh	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Tin phát thanh	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
26	2010010026	20CĐBC1	Đào Thanh Việt	Phương	15/01/1997	A 9.0	B 7.7	A 8.7					A 8.5	C 6.0	B 8.1		B 8.3		C 6.1	3.45 8.23	20		Giỏi	BT
27	2010010027	20CĐBC1	Lý Ngọc	Quốc	29/3/2002	B 7.3	F 3.5	B 7.8	C 6.8					C 6.1			C 6.8			2.07 6.41	14	3	Trung bình	BT
28	2010010028	20CĐBC1	Nguyễn Như	Quỳnh	04/5/2002	A 8.7	C 6.6	B 8.4	B 7.8					B 7.5	C 6.2		B 8.2		B 7.7	3.00 7.77	18		Khá	BT
29	2010010029	20CĐBC1	Trần Thế	Tài	18/11/1992	F 0.0	F 0.0	F 0.0					F 0.0		F 0.0				F 0.0	0.00 0.00	18	18	kém	TH
30	2010010030	20CĐBC1	Phan Thị Bạch	Thanh	05/9/2002	F 0.3	F 0.0		F 2.8				F 0.0		F 0.0		F 0.0		F 0.0	0.00 0.36	20	20	kém	TH
31	2010010031	20CĐBC1	Trần Trọng	Thảo	14/3/1994			B 8.0	B 7.2		D 4.9	B 7.6		B 8.3			B 8.3		B 7.8	2.75 7.46	16		Khá	BT
32	2010010032	20CĐBC1	Vũ Thị Phương	Thảo	13/6/2002	B 7.6	B 7.0	B 8.3	C 6.6					C 6.7			C 6.8			2.71 7.31	14		Khá	BT
33	2010010033	20CĐBC1	Nguyễn Thị Ngọc	Thuận	06/11/2002	B 7.5	A 8.5	A 9.2	B 7.4				A 8.6	B 8.1	A 8.6		B 8.0		A 8.5	3.59 8.22	22		Giỏi	BT
34	2010010034	20CĐBC1	Nguyễn Ngọc Thanh	Thùy	09/3/2002	B 7.4	C 6.4	A 9.3	B 7.0				B 7.5	B 7.6	B 7.8		B 7.8		B 8.2	2.95 7.56	22		Khá	BT
35	2010010035	20CĐBC1	Bùi Công	Tòng	20/8/2001	B 7.1	F 3.9	B 8.0	C 6.8					C 6.6						2.08 6.40	12	3	Trung bình	BT
36	2010010036	20CĐBC1	Ngô Thị Quỳnh	Trang	12/12/2001	D 5.0		B 8.3					C 6.7		D 5.1		B 7.8		F 3.6	1.59 5.96	17	2	Yếu	BT
37	2010010037	20CĐBC1	Phạm Thị Tố	Trinh	10/4/2002	C 6.9	B 7.5	B 7.6	C 6.6				B 7.4	C 6.1	C 6.1		B 8.0		B 7.5	2.59 7.19	22		Khá	BT
38	2010010038	20CĐBC1	Võ Thu	Trinh	16/02/1994															0.00 0.00	0		kém	TH
39	2010010039	20CĐBC1	Trương Gia	Tuấn	17/6/1996															0.00 0.00	0		kém	TH
40	2010010040	20CĐBC1	Trần Thúy	Vi	14/7/2002	B 7.2	C 6.2	B 8.3	B 7.0				B 7.1	C 6.4	B 8.3		B 8.3		B 7.0	2.86 7.31	22		Khá	BT
41	2010010041	20CĐBC1	Nguyễn Hoa	Viên	06/8/2002	F 0.2		F 0.0	F 2.4				F 0.0	B 7.6			F 0.0			0.00 0.39	15	15	kém	TH

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Ngày sinh	Chính trị	Anh văn - 2	Pháp luật và đạo đức báo chí	Pháp luật	Giáo dục thể chất	Công tác biên tập	Kỹ thuật sản xuất chương trình phát thanh	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Câu chuyện truyền thanh	Lịch sử báo chí	Phóng sự phát thanh	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Tin phát thanh	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
42	2010010042	20CĐBC1	Giảng Cẩm Vy	28/02/2001	F 0.0	F 0.0	B 7.9 C 6.2				C 6.9	B 7.6 D 5.1	C 5.9	F 2.7		F 0.0	1.00 3.47	24	12		Yếu	BT
43	2010010043	20CĐBC1	Huỳnh Trần Thảo Vy	19/3/2002	C 6.4	D 4.3	F 0.0 F 3.6				F 0.0	B 7.3 D 0.0		F 2.7		F 0.0	0.59 2.61	22	14		kém	CB
44	2010010044	20CĐBC1	Trương Kim Xuyên	09/4/2002	B 7.5	D 4.3	A 8.6 B 8.0				B 7.1	B 7.6 D 4.3		B 7.6		B 8.0	2.64 6.90	22			Khá	BT
45	2010010045	20CĐBC1	Nguyễn Thị Yển	17/02/2002	B 7.9	C 6.6	B 7.8 C 6.6					C 6.6		D 5.4			2.36 7.06	14			Trung bình	BT
46	2010010046	20CĐBC1	Trần Thị Hồng Yển	28/3/2001	B 7.9	C 5.9	B 8.4 C 6.6				F 0.0	C 6.6 B 7.8		C 6.5		B 8.0	2.14 5.99	22	4		Trung bình	BT
47	2010010099	20CĐBC1	Tô Ngọc Hữu Bằng	10/02/2002	C 6.2	D 4.9	B 7.5 C 6.6					C 6.4				F 0.0	1.64 5.28	14	2		Yếu	BT
48	2010010100	20CĐBC1	H Gi Byã	25/5/2000		D 5.1	B 8.2					D 5.2		F 0.0		D 4.1	1.22 4.43	9	2		Yếu	BT
49	2010010101	20CĐBC1	Trần Võ Quỳnh Dao	21/10/2002	A 8.8	B 8.2	B 8.2 B 8.2					C 5.8				B 7.8	3.36 8.36	14			Giỏi	BT
50	2010010102	20CĐBC1	Võ Nguyễn Việt Đức	17/9/1999	B 7.3	C 6.2	F 0.0 B 7.2				A 8.5	C 6.5 D 5.3		B 8.0	F 0.0	C 6.5	2.29 5.96	24	4		Trung bình	BT
51	2010010103	20CĐBC1	Nguyễn Thị Ngân	10/5/2002	B 7.4	C 6.5	A 8.7 B 7.6					B 7.6		C 6.7			2.79 7.32	14			Khá	BT
52	2010010104	20CĐBC1	Nguyễn Hữu Nhân	17/01/1997		F 0.0	F 0.0			F 0.0	F 0.0		F 0.0		F 0.0	F 0.0	0.00 0.00	17	17		kém	TH
53	2010010105	20CĐBC1	Cao Thị Quỳnh Như	27/5/2002													0.00 0.00	0			kém	TH
54	2010010106	20CĐBC1	Trương Quang Phong	09/4/1997													0.00 0.00	0			kém	TH
55	2010010107	20CĐBC1	Lâm Hoài Phương	24/7/2002	C 5.9		A 8.6 C 6.4					C 6.5		F 0.0			2.00 5.41	11	2		Trung bình	BT
56	2010010108	20CĐBC1	Bùi Thị Ngọc Trâm	10/11/2002	B 8.2	B 7.4	B 8.3 B 7.8				A 8.7	B 7.2 B 7.8		B 7.7		B 8.0	3.18 8.05	22			Khá	BT
57	2010010111	20CĐBC1	Lê Thanh Thảo	23/01/1996		D 5.3				F 0.0							0.60 3.18	5	2		kém	CB

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Ngày sinh	Chính trị	Anh văn - 2	Pháp luật và đạo đức báo chí	Pháp luật	Giáo dục thể chất	Công tác biên tập	Kỹ thuật sản xuất chương trình phát thanh	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Câu chuyện truyền thanh	Lịch sử báo chí	Phóng sự phát thanh	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Tin phát thanh	Điểm TB	Số TC	Số TC nợ	Xếp loại (Thang 4)	Kết quả
58	2010010110	20CĐBC1	Nguyễn Như Quỳnh	20/01/2002	B 8.4	B 8.3	B 8.1	B 7.0			B 8.0	C 6.7	B 7.8		F 3.5		B 8.0	2.73 7.62	22	2	Khá	BT
59	2010010112	20CĐBC1	Nguyễn Anh Quân	09/5/2000	B 7.5		B 7.4	C 6.6			B 7.4		C 5.8	F 0.0	F 2.9	F 0.0	C 6.8	1.96 5.48	23	6	Yếu	BT

Người lập



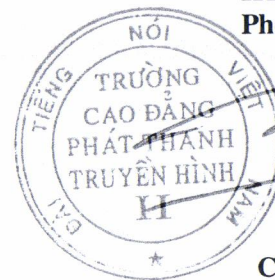
Huỳnh Ngọc Sáng

Trưởng phòng QL Đào tạo



Nguyễn Thị Diễm Phương

KT. Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng



Cao Văn Trục